

NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ HỆ THỐNG NGUYÊN ÂM TIẾNG HÀN

Đỗ Thị Kiều Diễm

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

✉ dokieudiem@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Bảng chữ cái trong tiếng Hàn có tên gọi là Hangeul. Hangeul bao gồm hệ thống nguyên âm và phụ âm, trong đó có 21 nguyên âm và 19 phụ âm. Trong đó, 21 nguyên âm tiếng Hàn được chia thành 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi. Trên thực tế, trong quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy sinh viên năm thứ nhất sau khi đã được học về Hangeul đều chưa nhận thức đúng đắn về hệ thống nguyên âm, đặc biệt là chưa phân biệt được nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Do đó, bằng việc tiến hành khảo sát đối với 100 sinh viên năm thứ nhất, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, kết hợp với phương pháp thống kê, phân tích, đối chiếu số liệu, bài báo đã chỉ ra, phân tích đồng thời làm rõ những nguyên nhân khiến cho nhận thức của sinh viên về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn chưa thực sự chính xác. Qua đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị giúp các nhà nghiên cứu, người dạy, người học, người biên soạn giáo trình tiếng Hàn nói chung phiên bản tiếng Việt nói riêng có thể rút ra được những phương pháp nghiên cứu, dạy, học và biên soạn giáo trình phù hợp, thống nhất với giáo trình tiếng Hàn, góp phần giúp người học có cái nhìn tổng quát hơn về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Từ khóa: Hangeul, hệ thống nguyên âm tiếng Hàn, nhận thức

1. Mở đầu

Trong bối cảnh tình hình giao lưu quốc tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng được mở rộng do đó số người Việt Nam quan tâm và học tiếng Hàn Quốc cũng tăng mạnh để đáp ứng được nhu cầu việc làm cũng như cơ hội sang Hàn Quốc học tập và làm việc. Tuy nhiên, trên thực tế người học gặp không ít khó khăn trong quá trình học tiếng Hàn. Khác với tiếng Việt, tiếng Hàn thuộc loại ngôn ngữ chấp dính có không ít sự khác biệt với tiếng Việt, một ngôn ngữ tiêu biểu cho loại hình ngôn ngữ đơn lập. Chính vì vậy, về mặt cấu trúc ngữ pháp cũng có nhiều sự khác biệt. Tuy nhiên có một điểm chung giữa hai ngôn ngữ này đó cũng có hệ thống nguyên âm và phụ âm. Đặc biệt khi người học mới bắt đầu học tiếng Hàn thì gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình lĩnh hội một ngôn ngữ hoàn toàn mới, ngoài phát âm thì người học cũng chưa nhận thức rõ ràng được hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn do đó gây cản trở trong việc phát âm nguyên âm cũng như trong kỹ năng nói. Mặc dù tiếng Việt cũng có hệ thống nguyên âm, phụ âm tương tự như tiếng Hàn nhưng thực tế người học tiếng Hàn tại Việt Nam vẫn chưa thể nhận biết và phân loại chính xác hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Với mục đích giúp cho người Việt Nam học tiếng Hàn có thể hiểu, phân loại đúng và hiệu quả hệ thống nguyên âm tiếng Hàn để có thể phát âm và nói tiếng Hàn chuẩn xác hơn, tác giả đã chọn đề tài “Nghiên cứu nhận thức về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn của sinh viên Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc”. Tác giả sẽ tiến hành khảo sát lấy khách thể là sinh viên năm thứ nhất Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế để phân tích những nhận thức đúng cũng như chưa chính xác về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn, đồng thời tìm ra nguyên nhân mà sinh viên mắc phải. Thông qua bài báo, tác giả sẽ đưa ra một số gợi ý trong

việc dạy và học cũng như biên soạn giáo trình tiếng Hàn cho người Việt Nam một cách hợp lý và hiệu quả hơn.

2. Cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu

Ngữ âm nói chung cũng như hệ thống nguyên âm, phụ âm trong tiếng Hàn và tiếng Việt là đề tài đã được nghiên cứu rất nhiều bởi những nhà khoa học nổi tiếng trong và ngoài nước. Tuy nhiên trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi chỉ điểu qua một vài nghiên cứu có liên quan cũng như có giá trị làm then chốt cho bài báo. Theo Cho Myeong Sook (2006, tr.62), trong bài nghiên cứu “Một số kết quả đối chiếu ngữ âm giữa tiếng Hàn và tiếng Việt” có đề cập đến hệ thống nguyên âm của tiếng Hàn trong đó có 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi và có tiến hành so sánh hệ thống nguyên âm tiếng Hàn và tiếng Việt nhằm tìm ra điểm giống nhau và khác nhau giữa hệ thống nguyên âm Hàn-Việt. Đỗ Ngọc Luyến (2014) đã nghiên cứu phương pháp dạy và học phát âm tiếng Hàn đối với sinh viên Việt Nam năm 1, 2 và cũng chỉ rõ quan điểm hệ thống nguyên âm tiếng Hàn gồm 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi.

Ngoài các nghiên cứu về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn của các nhà nghiên cứu tại Việt Nam thì còn có du học sinh ở Hàn Quốc như Châu Thị Thu Thủy (2011) trong bài luận văn “Nghiên cứu đối chiếu âm vị học của tiếng Việt và tiếng Hàn” (한국어와 베트남어의 음운론적 대조 연구) đã thực hiện nghiên cứu đối chiếu những vấn đề gặp phải khi phát âm tiếng Hàn thông qua phân tích đối chiếu hệ thống âm vị của tiếng Việt và tiếng Hàn. Bài nghiên cứu cũng khẳng định lại quan điểm rằng hệ thống nguyên âm tiếng Hàn gồm 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi.

Khi thảo luận về nét tương đồng và dị biệt giữa nguyên âm tiếng Hàn và tiếng Việt, tác giả Phạm Thị Thùy Linh (2011) đã đưa ra nhận định nguyên âm trong tiếng Hàn cũng gồm 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi trong bài luận văn thạc sĩ “Phương pháp giáo dục và nghiên cứu những vấn đề phát âm của người học tiếng Hàn nói tiếng Việt thông qua phân tích đối chiếu âm vị của tiếng Việt và tiếng Hàn” (한국어와 베트남의 음운 대조 분석을 통해 베트남어권 한국어 학습자의 발음의 문제점 탐구 및 교육 방안). Như vậy, thông qua lịch sử nghiên cứu về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn, các tác giả đều cùng đưa ra một quan điểm rằng hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn gồm có 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi làm nền tảng cho các bước phân tích cũng như đối chiếu giữa 2 ngôn ngữ. Chính vì vậy bài nghiên cứu này chúng tôi sẽ dựa trên quan điểm của nhà nghiên cứu Cho Myeong Sook (2006) về cách phân loại hệ thống nguyên âm tiếng Hàn để làm cơ sở cho bài nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Khách thể nghiên cứu

Khách thể của nghiên cứu này gồm 100 sinh viên năm thứ nhất Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã học qua hệ thống nguyên âm tiếng Hàn đủ năng lực để hiểu về hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn.

3.2 Công cụ nghiên cứu

Khi thực hiện bài nghiên cứu, tác giả sử dụng Google Form để tiến hành khảo sát nhằm xác định và phân tích các nhận thức của sinh viên về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Tất cả các câu hỏi trong bảng câu hỏi được lấy từ “Giáo trình viết tiếng Hàn sơ cấp” (2008, tr.17-19) - (bản tiếng Việt), sách 새 연세한국어 어휘와 문법 1-1 (New Yonsei Korean Vocabulary and Grammar 1-1) (tr.2).

3.3 Phạm vi nghiên cứu

Mặc dù trong hệ thống ngữ âm tiếng Hàn còn có phụ âm, nguyên âm, âm tiết, v.v, nhưng trong phạm vi nghiên cứu bài báo, tác giả chỉ tìm hiểu và phân tích nhận thức của sinh viên về hệ thống nguyên âm.

3.4. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo này tác giả tiến hành khảo sát 100 sinh viên năm thứ 1 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc thông qua phiếu khảo sát gồm 21 câu hỏi. Các câu hỏi tập trung khảo sát nhận thức của sinh viên về việc phân loại các nguyên âm trong hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Các số liệu và thông tin thu được từ phiếu khảo sát được xử lý bằng Google Form và trình bày dưới dạng biểu đồ. Các thông tin cũng được thống kê, phân tích và phân loại nhận xét dựa trên cơ sở kết quả các phiếu khảo sát.

4. Cơ sở lý luận

4.1. Hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn

Giống như tiếng Việt, trong tiếng Hàn cũng có nhiều giải thuyết âm vị học khác nhau về số lượng nguyên âm. Tuy nhiên, rất dễ dàng nhận biết hầu hết các giáo trình tiếng Hàn khi dạy về hệ thống nguyên âm, phụ âm đều có sự phân biệt rõ ràng về chủng loại. Đặc biệt, trong hệ thống nguyên âm đơn, đôi được các nhà biên soạn giáo trình bản ngữ biểu hiện rất rõ ràng.

Theo sách 새 연세한국어 어휘와 문법 1-1 (New Yonsei Korean Vocabulary and Grammar 1-1) (tr.2), hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn có 21 nguyên âm có cách phát âm khác nhau tùy theo hình dáng của môi và độ cao của lưỡi. Nguyên âm trong tiếng Hàn được chia thành nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Nguyên âm đôi là nguyên âm khi phát âm không di chuyển lưỡi hay môi và nguyên âm đôi là nói đến nguyên âm có sự chuyển dịch của môi hoặc lưỡi trong quá trình phát âm. Dựa vào nguyên tắc đó nên hệ thống nguyên âm được phân loại theo 2 loại chính và được minh họa ở Hình 1 và 2

단모음	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅜ	ㅠ	ㅡ	ㅣ
	아	애	어	예	오	외	우	위	으	이

Hình 1. Bảng hệ thống nguyên âm đơn trong tiếng Hàn

이중모음	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅜ	ㅠ	ㅟ	ㅠ	ㅡ
	야	ैया	여	예	와	왜	요	위	웨	유

Hình 2. Bảng hệ thống nguyên âm đôi trong tiếng Hàn

Cũng theo Phạm Thị Thùy Linh (tr.72), Hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn có 21 nguyên âm được chia thành 2 nhóm chính là nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Nguyên âm đơn

là nguyên âm mà hình dạng của môi không bị thay đổi xuyên suốt quá trình phát âm và nguyên âm đôi là nguyên âm có sự thay đổi hình dạng của môi trong quá trình tạo âm.

Hệ thống nguyên âm đơn trong tiếng Hàn lại được phân chia thành nhiều loại dựa theo 3 tiêu chí là hình dạng của môi (원순모음 & 평순모음), độ cao thấp của lưỡi (고모음 & 저모음), vị trí trước sau của lưỡi (전설모음 & 후설모음) và được biểu hiện ở Hình 3 và 4.

혀의 전후 혀의 높이	전설모음		중설모음		후설모음	
	평순	원순	평순	원순	평순	원순
고모음	ㅣ [i]	ㄱ [y, ʉ]	ㅡ [ɨ]			ㅓ [u]
중모음	ㅔ [e]	ㅚ [ø, ɔ]	ㅓ [ə]			ㅛ [o]
저모음	ㅐ [ɛ]		ㅑ [a]			

Hình 3. Bảng hệ thống nguyên âm đơn trong tiếng Hàn

[y]계 이중모음	ㅑ [ya]	ㅓ [yø]	ㅛ [yo]
	ㅕ [yu]	ㅜ [ye]	ㅠ [yɛ]
[w]계 이중모음	ㅘ [wa]	ㅙ [wø]	
	ㅚ [wɛ]	ㅜ [we]	
[u]계 이중모음	ㅜ [wi]		

Hình 4. Bảng hệ thống nguyên âm đôi trong tiếng Hàn

4.2. Đối chiếu cách phân loại hệ thống nguyên âm tiếng Hàn trong các giáo trình

Trong quá trình giảng dạy tiếng Hàn cho người Việt Nam thì tác giả nhận thấy hầu hết giáo trình tiếng Hàn phiên bản Việt hoặc giáo trình dành cho người nước ngoài có sự phân loại hệ thống nguyên âm chưa thống nhất dẫn đến sự nhầm lẫn cũng sự mơ hồ trong cách phân loại từ đó làm cho người học chưa hiểu chính xác về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Trích từ sách “Giáo trình viết tiếng Hàn sơ cấp” (2008, tr.17-19) - (bản tiếng Việt) thì hệ thống nguyên âm tiếng Hàn được phân loại thành 10 nguyên âm cơ bản gồm có: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi gồm: ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅜ, ㅝ, ㅞ, ㅟ, ㅠ, ㅡ, ㅢ, ㅣ.

Theo sách 고용허가제한국어능력시험을 위한한국어 표준 교재 (2017, tr.13-14) thì phân loại nguyên âm tiếng Hàn thành 10 nguyên âm cơ bản (기본 모음): ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi (이중 모음): ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅜ, ㅝ, ㅞ, ㅟ, ㅠ, ㅡ, ㅢ, ㅣ.

Nhưng trong một số giáo trình tiếng Hàn như 비타민 한국어 1 (2017, tr.17-18, 37-40) thì nguyên âm tiếng Hàn được chia thành 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi. Nhưng khi liệt kê thì nguyên âm đơn chỉ có 8 nguyên âm: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ và ㅠ, ㅡ, ㅢ, ㅣ, ㅤ, ㅥ, ㅦ, ㅧ, ㅨ, ㅩ là 13 nguyên âm đôi. Điều này có thể được lý giải

ㅏ,ㅑ có trường hợp phát âm theo nguyên âm đơn nhưng có nhiều trường hợp lại theo phát âm nguyên âm đôi hơn nên được xếp vào loại nguyên âm đôi và được trích theo sách *외국인을 위한 한국어 발음* 47 (2009, tr.30).

Theo sách “Sách Ewha Hankuko 1-1” (2013, tr.22-26) - 10 nguyên âm cơ bản: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm ghép: ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅛ, ㅜㅓ, ㅜㅕ, ㅜㅗ, ㅜㅛ, ㅜㅜ, ㅜㅡ, ㅜㅣ.

Theo sách *새 연세한국어 어휘와 문법 1-1* (New Yonsei Korean Vocabulary and Grammar 1-1) (tr.2) thì phân chia thành 10 nguyên âm đơn: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi: ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅛ, ㅜㅓ, ㅜㅕ, ㅜㅗ, ㅜㅛ, ㅜㅜ, ㅜㅡ, ㅜㅣ.

Qua cách phân chia như thế này ta thấy có sự giống nhau khi phân chia hệ thống nguyên âm tiếng Hàn trong quá trình biên soạn giáo trình và sự giống nhau khác nhau này được thể hiện rõ ở Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Phân loại hệ thống nguyên âm tiếng Hàn

STT	Phân loại hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn	
1	-10 nguyên âm cơ bản gồm có: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ -11 nguyên âm đôi gồm: ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅛ, ㅜㅓ, ㅜㅕ, ㅜㅗ, ㅜㅛ, ㅜㅜ, ㅜㅡ, ㅜㅣ	“Giáo trình viết tiếng Hàn sơ cấp” (2008, tr.17-19) - (bản tiếng Việt) Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam sơ cấp 1” (2013, tr.20) Sách Ewha Hankuko 1-1” (2013, tr.22-26) Giáo trình tiếng Hàn dành cho thi năng lực cấp phép lao động <i>고용허가제 한국어능력시험을 위한 한국어 표준 교재</i> (2017, tr.13-14)
2	10 nguyên âm đơn : ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi: ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅛ, ㅜㅓ, ㅜㅕ, ㅜㅗ, ㅜㅛ, ㅜㅜ, ㅜㅡ, ㅜㅣ	Sách <i>새 연세한국어 어휘와 문법 1-1</i> (New Yonsei Korean Vocabulary and Grammar 1-1) (tr.2)
3	10 nguyên âm đơn 11 nguyên âm đôi. Nhưng khi liệt kê thì nguyên âm đơn chỉ có 8 nguyên âm : ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ và ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅛ, ㅜㅓ, ㅜㅕ, ㅜㅗ, ㅜㅛ, ㅜㅜ, ㅜㅡ, ㅜㅣ là 13 nguyên âm đôi	Sách tiếng Hàn <i>Vitamin 1비타민 한국어 1</i> (2017, tr.17, 18, 37, 40)

Sở dĩ có sự phân chia nguyên âm cơ bản và nguyên âm ghép có thể là vì mục đích để cho người học dễ dàng nắm bắt và nhớ cách phát âm, hay nói cách khác mục đích của người biên soạn giáo trình chỉ chú trọng đến việc giúp người học dễ dàng ghi nhớ và nhận biết hệ thống nguyên âm qua cách phân biệt để hiểu chứ không hề hướng người học ghi nhớ cách phân loại trong hệ thống nguyên âm. Thông qua cách phân biệt như thế này thì không ít người học nhầm tưởng hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn được phân loại theo cách như vậy gồm 10 nguyên âm cơ bản và 11 nguyên âm ghép điều này hoàn toàn không đúng theo nguyên tắc trong hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Mặc dù cách phân loại có khác nhau nhưng theo nguyên tắc đúng trong ngữ âm học thì hệ thống nguyên âm tiếng Hàn gồm có 10 nguyên âm đơn (단모음): ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi (이중모음): ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ. Đây là cách phân loại chuẩn mực về mặt ngữ âm học. (Một số kết quả đối chiếu ngữ âm giữa tiếng Hàn và tiếng Việt 2006, tr.62)

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết quả nghiên cứu

Với câu hỏi “Bạn bắt đầu học tiếng Hàn được bao lâu?”, có 36% đối tượng khảo sát trả lời là học được 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất và không có câu trả lời nào chưa học tiếng Hàn cả. Điều này cho thấy, tất cả các bạn đã được học qua bảng chữ cái tiếng Hàn và cũng được xem là các bạn đáp ứng đủ tiêu chí để thực hiện việc khảo sát.

Với câu hỏi “Bạn đã nắm bắt tốt về hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn không?”, chỉ có 6% đối tượng khảo sát tự tin trả lời rằng “Rất tốt”, 63% trả lời “Tốt” và câu trả lời “Không tốt lắm” chiếm 31%. Qua đây cho chúng ta thấy rằng mặc dù đã được học hệ thống nguyên âm đã phát âm được nhưng vẫn chưa nắm bắt tốt hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Khi được hỏi “Hệ thống nguyên âm tiếng Hàn gồm bao nhiêu nguyên âm?”, có 83% đối tượng khảo sát trả lời là có 21 nguyên âm; 14% trả lời rằng có 19 nguyên âm, 2% trả lời rằng có 20 nguyên âm và 1% trả lời có 22 nguyên âm. Mặc dù đã được học nhưng đầu đó vẫn có 1 số ít các bạn sinh viên vẫn chưa nắm bắt được số lượng nguyên âm. Số lượng nguyên âm là điều cơ bản khi học phát âm tuy nhiên các bạn vẫn không nắm bắt được thì việc phân loại đối với các bạn cũng không dễ dàng.

Bảng 2. Thống kê hệ thống nguyên âm

	19 nguyên âm	20 nguyên âm	21 nguyên âm	22 nguyên âm
Tổng số	100	100	100	100
Giá trị trung bình	14	2	83	1

Tuy nhiên, với câu hỏi “Theo bạn, hệ thống nguyên âm tiếng Hàn có nguyên âm đơn và nguyên âm đôi không?” trong số 100 sinh viên trả lời thì có 83% trả lời rằng có nhưng khi được bảo liệt kê thì chỉ có 72% các bạn trả lời đúng là 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi. Bên cạnh câu trả lời rằng có nguyên âm đơn và nguyên âm đôi trong tiếng Hàn thì có 17% câu trả lời không có, các bạn này khi được hỏi rằng nếu không có thì nguyên âm được phân loại như thế nào thì hơn một nửa cho rằng phân loại thành nguyên âm cơ bản và nguyên âm đôi chiếm 54%, 32% cho rằng được phân loại thành nguyên âm cơ bản và nguyên âm ghép. Qua đây cho thấy các bạn còn mơ hồ trong cách phân loại cũng như trong tên gọi loại nguyên âm khi phân loại.

Ngoài ra, với câu hỏi đơn giản rằng: “Theo bạn biết, "ㅏ" là nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đơn?” có 24% sinh viên cho rằng đó là nguyên âm đơn và 49% trả lời là nguyên âm cơ bản còn lại 27% cho là nguyên âm cơ bản và nguyên âm đơn. Điều này có thể dễ dàng thấy được vì sao chỉ một nguyên âm ㅏ nhưng sinh viên vẫn chưa thể thống nhất trong cách gọi. Đó là vì sự khác nhau về tên gọi chung loại trong giáo trình quy định làm sinh viên chưa hiểu rõ được bản chất của nguyên âm thuộc nhóm nào. Cho rằng ㅏ là nguyên âm đơn hay là nguyên âm cơ bản đều được chấp nhận vì khi các bạn học hệ thống nguyên âm tiếng Hàn trong các giáo trình dành cho người nước ngoài để đơn giản hóa cho người học dễ hiểu dễ nắm bắt hệ thống nguyên âm thì họ gọi ㅏ là nguyên âm

cobản. Còn đối với một số sách ngữ âm hay các bài giảng của các giáo sư Hàn Quốc về hệ thống nguyên âm thì ㅏ được xếp vào nguyên âm đơn. Từ kết quả này, ta có thể dự thấy được sự nhầm lẫn trong sinh viên một phần là do giáo trình chưa thống nhất tên gọi.

Bảng 3. Theo bạn, ㅏ là nguyên âm đơn hay là nguyên âm cơ bản?

	Nguyên âm đơn	Nguyên âm cơ bản	Cả 2
Tổng số	100	100	100
Giá trị trung bình	24	49	27

Với câu hỏi “ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ là nguyên âm đơn hay nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đôi?” có sinh viên trả lời rằng đó là nguyên âm cơ bản chiếm nhiều nhất và chiếm vị thứ 3 là câu trả lời nguyên âm đơn trong khi đó thì câu trả lời đúng là nguyên âm đôi chỉ chiếm vị thứ 2. Điều này cho thấy các bạn còn mơ hồ về cách phân loại nguyên âm vì có một số giáo trình cho rằng những nguyên âm này là nguyên âm cơ bản và các bạn nhầm lẫn tất cả nguyên âm cơ bản là nguyên âm đơn (“Giáo trình viết tiếng Hàn sơ cấp” (2008, tr.17-19) - (bản tiếng Việt)).

Bảng 4. Theo bạn, ㅑ, ㅑ̣ là nguyên âm đơn, nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đôi?

	Nguyên âm đơn	Nguyên âm cơ bản	Nguyên âm đôi	Nguyên âm cơ bản và nguyên âm đôi
Tổng số	100	100	100	100
Giá trị trung bình	23	40	25	12

Bảng 5. Theo bạn, ㅓ, ㅕ̣ là nguyên âm đơn, nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đôi?

	Nguyên âm đơn	Nguyên âm cơ bản	Nguyên âm đôi
Tổng số	100	100	100
Giá trị trung bình	25	44	31

Mặc khác, khi được hỏi “ㅑ̣, ㅑ̣̣ là nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đơn hay nguyên âm đôi” thì câu trả lời nhiều nhất 52% đó chính là nguyên âm đôi chỉ có 22% các bạn trả lời là nguyên âm đơn và 17% cho rằng nguyên âm cơ bản. Cũng câu hỏi tương tự “ㅓ̣, ㅕ̣ là nguyên âm đơn hay là nguyên âm đôi” thì có tới 86% sinh viên trả lời là nguyên âm đôi và 8% không biết câu trả lời và chỉ có 2% cho rằng đó là nguyên âm đơn. Tuy nhiên thực tế theo cách phân loại hệ thống nguyên âm (Một số kết quả đối chiếu ngữ âm giữa tiếng Hàn và tiếng Việt 2006, tr. 62) thì ㅑ̣, ㅑ̣̣, ㅓ̣, ㅕ̣ chính là nguyên âm đơn. Do sự phân loại hệ thống nguyên âm trong cách giáo trình giảng dạy nên dẫn đến sự nhầm lẫn này của các bạn sinh viên.

Bảng 6. Theo bạn, Nguyên âm ㅑ̣̣ ㅑ̣̣̣ là nguyên âm đơn hay nguyên âm đôi hay nguyên âm cơ bản?

	Nguyên âm đơn	Nguyên âm cơ bản	Nguyên âm đôi	Nguyên âm cơ bản và nguyên âm đôi
Tổng số	100	100	100	100
Giá trị trung bình	22	17	52	9

Bảng 7. Theo bạn, Nguyên âm ㅓ̣̣ ㅕ̣̣ là nguyên âm đơn hay nguyên âm đôi hay nguyên âm cơ bản?

	Nguyên âm đơn	Không biết	Nguyên âm đôi	Nguyên âm đơn và nguyên âm đôi
Tổng số	100	100	100	100
Giá trị trung bình	2	8	86	4

Với câu hỏi “오, 우 là nguyên âm cơ bản, nguyên âm đơn hay nguyên âm đôi?” thì có tới 91% các bạn sinh viên trả lời rằng đó là nguyên âm đôi, 6% sinh viên cho rằng là nguyên âm cơ bản còn lại 3% trả lời là nguyên âm đơn. Bên cạnh đó trường hợp nguyên âm ㅓ, ㅕ khi được hỏi là nguyên âm đơn, đôi hay cơ bản thì 85% các bạn trả lời rằng là nguyên âm đôi, 10% cho là nguyên âm đơn và 5% nghĩ rằng là nguyên âm cơ bản. Như vậy cả 4 nguyên âm 오, 우, ㅓ, ㅕ khi được hỏi về sự phân loại thì đa số các bạn cho rằng nguyên âm đôi là đúng nhưng vẫn tồn tại một số ít bạn nhận thức nhầm lẫn nó là nguyên âm đơn hay là nguyên âm cơ bản.

Bảng 8. Theo bạn, ㅓ, ㅕ là nguyên âm cơ bản hay nguyên âm đôi, hay nguyên âm đơn

	Nguyên âm đơn	Nguyên âm cơ bản	Nguyên âm đôi
Tổng số	100	100	100
Giá trị trung bình	10	5	85

Và khi được hỏi lý do, cơ sở nào các bạn phân biệt các nguyên âm trên thì 41% các bạn trả lời rằng dựa vào việc phân loại như trong sách đã được học, có 19% các bạn trả lời lựa chọn chỉ do cảm tính chứ không nắm rõ quy tắc. Thông qua các câu trả lời trên, chúng ta có thể thấy rằng có nhiều sinh viên mặc dù đã được học hệ thống nguyên âm rất kỹ ở giai đoạn đầu khi học tiếng Hàn nhưng có thể hầu hết tất cả các bạn đều được học cách phát âm chứ giáo viên giảng dạy cũng chưa nhấn mạnh hệ thống phân loại. Chính vì vậy các bạn mới có cái nhìn chưa chính xác, vẫn còn nhầm lẫn trong cách phân biệt hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Điều này thể hiện rõ khi các bạn được hỏi rằng: “Thầy cô trên lớp giảng dạy hệ thống nguyên âm có đề cập đến việc phân loại như thế nào không?” thì có 40% sinh viên trả lời rằng có phân loại nhưng chỉ phân loại theo hình thức: nguyên âm cơ bản và nguyên âm đôi chiếm nhiều nhất và có 34% câu trả lời là có phân loại theo hình thức nguyên âm đơn, đôi.

Như vậy thông qua những phân tích trên hầu hết cho thấy sinh viên có sự nhận thức nhầm lẫn giữa hệ thống nguyên âm đơn và nguyên âm đôi trong tiếng Hàn một phần là vì trong quá trình giảng dạy dễ cụ thể hóa và giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với hệ thống nguyên âm tiếng Hàn nói riêng và tiếng Hàn nói chung thì người dạy chỉ giảng dạy dựa trên những giáo trình tiếng Hàn dành cho người nước ngoài có sự phân biệt hệ thống nguyên âm cơ bản và nguyên âm đôi để sinh viên có thể học phát âm và ghi nhớ dễ dàng. Tuy nhiên, người dạy không hề nhấn mạnh đây là sự phân loại nhằm giúp cho người học tiếng Hàn dễ dàng hơn chứ không hề nói rõ theo quy tắc hệ thống nguyên âm tiếng Hàn thì được phân loại thành nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Bởi vì khi mình phân loại theo nguyên âm cơ bản ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ và 11 nguyên âm đôi ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ, ㅣ thì sự phân biệt này bị sai lệch theo quy tắc phân loại nguyên âm đơn và nguyên âm đôi trong hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Đối với ㅓ, ㅕ, ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ trong một số giáo trình phiên bản viết cho rằng là nguyên âm cơ bản cũng nhưng thực chất nó là nguyên âm đôi. Còn 오, 우 là những nguyên âm đôi nhưng thực chất lại là nguyên âm đơn. Chính vì sự không thống nhất trong cách phân loại về hệ thống nguyên âm trong giáo trình cũng như trong cách giảng dạy nên dẫn đến việc người học có sự nhầm lẫn như vậy.

5.2 Ý nghĩa và hạn chế của đề tài

Trong quá trình thực hiện đề tài này, chúng tôi có được thuận lợi là nguồn dữ liệu liên quan đến hệ thống ngữ âm tiếng Hàn nhiều. Và số lượng sinh viên năm 1 tham gia khảo sát cũng khá cao nên kết quả thu được cũng có thể nói rằng đáng tin cậy, đặc biệt là đã thu về kết quả có giá trị nghiên cứu cũng như tham khảo lớn giúp cho người học tiếng Hàn nhận thức đúng và có logic hơn về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Đồng thời, giúp cho người học nhìn nhận lại lỗi sai mà mình mắc phải từ đó có phương pháp khắc phục hiệu quả. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng gặp một số khó khăn nhất định về sự tham gia chưa nhiệt tình hăng hái của các bạn sinh viên vì thời gian thực hiện khảo sát là lúc các bạn đang chuẩn bị cho kỳ thi giữa kỳ.

Bên cạnh đó, vì phạm vi chỉ là bài báo nên chúng tôi chưa thể tiến hành khảo sát thêm đối tượng sinh viên năm 2,3 mà chỉ dừng lại là nghiên cứu nhận thức của sinh viên năm 1 và chúng tôi nghĩ đó cũng là hạn chế của đề tài.

5.3 Đề xuất

Thông qua nghiên cứu này, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hầu như lỗi nhận thức của sinh viên về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn phần lớn là do giáo trình chưa thống nhất trong cách sắp xếp cũng như bố trí bảng hệ thống nguyên âm giữa giáo trình dành cho người nước ngoài dẫn đến khi người học đã học xong bảng hệ thống nguyên âm cũng như cách đọc nhưng lại chưa nhận thức được hoặc nhận thức sai lệch về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy và học tập, giáo viên cũng được coi là đóng một vai trò chính trong việc hướng dẫn và giúp cho học sinh có thể hiểu đúng hiểu chính xác về hệ thống nguyên âm tiếng Hàn. Chính vì thế, để giúp cho sinh viên học tiếng Hàn nói riêng và người học tiếng Hàn nói chung có thể nhận thức đúng, sử dụng đúng và hiệu quả hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn thì các giáo trình tiếng Hàn cần có những bổ sung sắp xếp điều chỉnh phù hợp, thống nhất và cần thiết. Đồng thời, đối với giáo viên ngoài việc giảng dạy cách phát âm nguyên âm thì cũng cần lưu ý nhấn mạnh đến cách phân loại hệ thống nguyên âm trong tiếng Hàn. Chúng tôi nghĩ rằng nếu có thể khắc phục 2 yếu tố trên thì không những sinh viên nói riêng mà tất cả những người học tiếng Hàn nói chung sẽ không gặp tình trạng mắc lỗi khi phân loại hệ thống nguyên âm tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo

- Cho Myeong Sook (2006). Một số kết quả đối chiếu ngữ âm giữa tiếng Hàn và tiếng Việt, Tạp chí KHOA HỌC NHSP TP.HCM.
- Đỗ Ngọc Luyến (2014). Nghiên cứu phương pháp dạy và học phát âm tiếng Hàn đối với sinh viên Việt Nam năm I, năm II, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn TP.HCM
- Kim JeongSuk (2011). 세종한국어 1, 국립국어원.
- Song YeongJung (2012). 고용허가제 한국어 능력시험을위한한국어표준교재,한국산업인력공단.
- Jeon YeongCheol (2009). 외국인을 위한 한국어 발음, 서울대학교언어교육원.
- Kim JeongSuk (2008). 초급 한국어 쓰기, 국어국립원.
- Yonsei University Korean Language Institute Textbook Compilation Committee (2018). 연세한국어 어휘와 문법 1-1, 연세대학교 대학출판문화원.
- Chau Thi Thu Thuy (2011). 한국어와 베트남어의 음운론적 대조 연구, 영남대학교, 석사 학위 논문.

Pham Thi Thuy Linh (2011). 한국어와 베트남의 음운 대조 분석을 통해 베트남어권 한국어 학습자의 발음의 문제점 탐구 및 교육 방안. 동신대학교, 석사 학위 논문.

<https://cks.pccu.edu.tw/var/file/277/1277/img/1239/06.pdf>.

KOREAN LANGUAGE AND CULTURE STUDIES STUDENTS' PERCEPTION OF THE KOREAN VOWEL SYSTEM

Abstract: The Korean Alphabet is called Hangeul. Hangeul is one of the most innovative scientific writing systems in the world. Like Vietnamese, Hangeul also includes a system of vowels and consonants, including 21 vowels and 19 consonants. In fact, 21 Korean vowels are divided into 10 single vowels and 11 diphthongs. In fact, by the teaching process, the author found that the first-year students were not properly aware of the vowel system when learning about Hangeul, especially not able to distinguish between single vowels and double vowels. Therefore, by conducting a survey for 100 first-year students of the Department of Korean Language and Culture, University of Foreign Languages, Hue University, combined with statistical methods, analyzing and comparing data, this article will point out, analyzing and clarifying the rationales causing students' misleading perception of the Korean vowel system. Thereby, the author proposes some recommendations to help researchers, teachers, learners, and compilers of the Vietnamese curriculum to draw out research methods, teaching, learning and compiling teaching materials. The program is suitable and consistent with the Korean curriculum, contributing to helping learners have the most systematic viewpoints about the Korean vowel system.

Key words: Hangeul, the Korean vowel system, viewpoints